



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH  
(REE)**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.446.776.445.827</b>	<b>1.531.192.447.001</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>574.508.713.278</b>	<b>668.995.881.369</b>
111	1. Tiền		18.408.713.278	29.195.881.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		556.100.000.000	639.800.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>516.055.170.742</b>	<b>325.711.646.558</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	9.1	119.680.810.541	72.553.500.561
122	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	9.1	(325.639.799)	(293.908.798)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		396.700.000.000	253.452.054.795
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>305.731.941.017</b>	<b>472.867.175.245</b>
131	1. Phải thu khách hàng		69.085.386.008	69.233.375.145
132	2. Trả trước cho người bán		16.354.066.753	23.968.036.452
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		50.000.000.000	133.000.000.000
136	4. Các khoản phải thu khác	5	170.292.488.256	246.665.763.648
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>50.480.620.790</b>	<b>63.617.743.829</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.396.027.751	2.374.746.441
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		48.084.593.039	61.242.997.388
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>12.954.685.605.536</b>	<b>12.914.296.975.980</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>2.000.534.867.716</b>	<b>2.052.271.442.194</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	1.993.490.495.285	2.045.014.960.895
222	Nguyên giá		2.077.890.948.073	2.075.138.498.789
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.400.452.788)	(30.123.537.894)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	7.044.372.431	7.256.481.299
228	Nguyên giá		12.054.448.449	12.054.448.449
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.010.076.018)	(4.797.967.150)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>8</b>	<b>698.963.386.825</b>	<b>725.934.542.073</b>
231	1. Nguyên giá		1.433.994.888.313	1.433.994.888.313
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(735.031.501.488)	(708.060.346.240)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>215.267.392.570</b>	<b>99.386.279.325</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		215.267.392.570	99.386.279.325
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>9.981.771.605.000</b>	<b>9.971.771.605.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	9.2	9.291.771.605.000	9.281.771.605.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.4	-	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		690.000.000.000	690.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>58.148.353.425</b>	<b>64.933.107.388</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		57.967.773.697	62.534.898.208
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		180.579.728	2.398.209.180
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.401.462.051.363</b>	<b>14.445.489.422.981</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.446.798.998.023</b>	<b>4.563.016.977.921</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>582.555.235.677</b>	<b>723.214.192.509</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		42.737.104.926	16.404.245.752
312	2. Người mua trả tiền trước		2.161.396.418	2.168.296.448
313	3. Thuế và các khoản phải nộp NN	10	18.188.572.813	14.893.738.260
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	87.498.873.663	234.206.613.303
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		4.804.182.295	1.670.313.750
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12	66.450.819.848	93.156.699.282
320	8. Vay và nợ thuê tài chính	13.1	360.714.285.714	360.714.285.714
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.864.243.762.346</b>	<b>3.839.802.785.412</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		164.411.544.772	162.388.638.635
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.2	3.699.832.217.574	3.677.414.146.777
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>14</b>	<b>9.954.663.053.340</b>	<b>9.882.472.445.060</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>9.954.663.053.340</b>	<b>9.882.472.445.060</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.564.104.840.000	3.100.588.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.564.104.840.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.233.348.786	1.050.233.348.786
415	3. Cổ phiếu quỹ		(47.622.230.162)	(47.622.230.162)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.979.473.252	200.979.473.252
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.186.967.621.464	5.578.293.443.184
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.805.726.087.184	4.775.623.066.621
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		381.241.534.280	802.670.376.563
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.401.462.051.363</b>	<b>14.445.489.422.981</b>



Phạm Thị Ngọc Trang  
Người lập





Hồ Trần Diệu Linh  
Kế Toán Trưởng

Huỳnh Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 7 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã Số	Diễn giải	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	237.122.974.281	171.066.934.126	545.240.468.356	342.445.318.128
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	237.122.974.281	171.066.934.126	545.240.468.356	342.445.318.128
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(70.408.938.989)	(44.180.245.737)	(140.837.641.870)	(86.776.157.772)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.714.035.292	126.886.688.389	404.402.826.486	255.669.160.356
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	32.526.315.338	65.147.342.722	208.155.504.584	370.579.760.832
22	7. Chi phí tài chính	16	(81.364.122.825)	(66.180.987.883)	(161.082.351.526)	(133.113.077.750)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(79.679.157.038)	(64.233.019.823)	(157.969.194.946)	(129.276.678.234)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(15.895.607.671)	(15.681.032.633)	(34.576.955.261)	(33.088.134.560)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		101.980.620.134	110.172.010.595	416.899.024.283	460.047.708.878
31	10. Thu nhập khác	17	2.544.313.144	1.590.273.182	2.544.313.144	3.451.438.744
32	11. Chi phí khác	17	-	-	-	(763.273.644)
40	12. Lợi nhuận khác		2.544.313.144	1.590.273.182	2.544.313.144	2.688.165.100
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.524.933.278	111.762.283.777	419.443.337.427	462.735.873.978
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(17.794.854.987)	(15.683.680.896)	(35.984.173.695)	(41.732.995.769)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(2.217.629.452)	(1.798.088.972)	(2.217.629.452)	(1.798.088.972)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.512.448.839	94.280.513.909	381.241.534.280	419.204.789.237



Phạm Thị Ngọc Trang  
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh  
Kế Toán Trưởng



Huỳnh Thanh Hải  
Tổng Giám Đốc

Ngày 27 tháng 7 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN Quý II năm 2022:**

Tổng lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2022 đạt 84,5 tỷ đồng, giảm 9,7 tỷ đồng tương ứng giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu là do:

Doanh thu tài chính Quý II năm 2022 giảm 32,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu là do cổ tức từ công ty con chuyển về không cùng thời điểm, giảm 25 tỷ đồng thời cùng kỳ năm trước ghi nhận khoản lãi từ thanh lý đầu tư 10 tỷ.

Tuy nhiên, trong quý II năm 2022 năm nay công ty ghi nhận Doanh thu, lợi nhuận từ Dự án Điện gió Trà Vinh V1-3 trong khi cùng kỳ năm trước vẫn còn đang trong quá trình triển khai dự án, đã đóng góp đáng kể vào việc kéo gần khoảng cách biến động lợi nhuận công ty trên tổng thể.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>419.443.337.427</b>	<b>462.735.873.978</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	6.7.8	81.460.179.010	33.320.019.421
03	Các khoản trích lập dự phòng		31.731.001	(186.762.000)
04	(Lãi) lỗ từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		122.044.630	33.696.041
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(205.586.502.899)	(303.360.685.801)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	16	160.676.051.350	131.983.534.638
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>456.146.840.519</b>	<b>324.525.676.277</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		38.840.884.938	2.257.142.080
11	(Tăng) giảm các khoản phải trả		(138.952.077.270)	1.018.725.459
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		4.567.124.511	3.478.859.984
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(47.127.309.980)	344.813.110.562
14	Tiền lãi vay đã trả		(160.091.078.007)	(132.150.277.501)
15	Thuế TNDN đã nộp		(31.813.737.338)	(12.616.037.998)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>121.570.647.373</b>	<b>531.327.198.863</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(114.921.070.262)	(207.298.043.886)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		-	-
23	Tiền chi cho vay		(267.890.386.974)	(351.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		207.642.441.769	364.600.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(10.000.579.995)	(151.606.368.737)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác		295.983.826	290.047.599.011
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		255.141.298.669	153.677.183.078
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>70.267.687.033</b>	<b>98.420.369.466</b>
33	Tiền vay ngắn và dài hạn nhận được		75.068.357.250	-
34	Tiền chi trả nợ vay		(55.357.142.857)	(99.802.142.857)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(306.041.313.190)	(146.506.890)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(286.330.098.797)</b>	<b>(99.948.649.747)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(94.491.764.391)</b>	<b>529.798.918.582</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		668.995.881.369	172.190.983.641
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		4.596.300	(58.887.217)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<b>574.508.713.278</b>	<b>701.931.015.006</b>



Phạm Thị Ngọc Trang  
Người lập  
Ngày 27 tháng 7 năm 2022



Hồ Trần Diệu Linh  
Kế Toán Trưởng



  
Huỳnh Thành Hải  
Tổng Giám Đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300741143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp được điều chỉnh mới nhất vào ngày 16 tháng 6 năm 2022. Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất và lắp đặt các hệ thống điều hòa không khí, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông và đồ điện gia dụng, sở hữu và cho thuê cao ốc văn phòng; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; khai thác xử lý và cung cấp nước; sản xuất điện; tư vấn, đấu giá bất động sản và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cập nhật theo Thông Tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

#### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được của Công ty là chứng từ ghi sổ.

#### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 08 năm 2007.

### 3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

### 3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua hoặc xây dựng bất động sản.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị phụ trợ	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Bất động sản đầu tư khác	2 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.8 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### **3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong nghiệp vụ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **3.11 Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### **3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

### **3.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

#### **Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các khoản tăng giảm khối lượng khi thực hiện hợp đồng, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp lắp đặt không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

#### *Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản đầu tư đã được chuyển sang người mua.

#### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được công bố.

#### *Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu*

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được công bố. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính.

### **3.14 Thuế**

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Thuế TNDN hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng chênh lệch tạm thời được khấu trừ các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	19.667.400	10.875.810
Tiền gửi ngân hàng	18.389.045.878	29.185.005.559
Các khoản tương đương tiền	556.100.000.000	639.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>574.508.713.278</b>	<b>668.995.881.369</b>

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	23.063.412.455	16.711.052.621
Cổ tức phải thu	113.796.860.570	170.000.000.000
Tạm ứng đầu tư dự án	18.711.755.270	15.677.863.275
Phải thu khác	14.720.459.961	44.276.847.752
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>170.292.488.256</b>	<b>246.665.763.648</b>
Trong đó:		
Phải thu bên liên quan (thuyết minh 20)	125.525.216.447	183.813.561.475
Phải thu các bên khác	44.767.271.809	62.852.202.173



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 6. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	21.649.662.939	1.946.846.917.334	91.645.258.071	1.354.991.931	13.641.668.514	2.075.138.498.789
Mua mới	-	-	-	37.536.364	-	37.536.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.964.834.245	-	-	750.078.675	-	2.714.912.920
Số cuối kỳ	23.614.497.184	1.946.846.917.334	91.645.258.071	2.142.606.970	13.641.668.514	2.077.890.948.073
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm	4.125.942.445	16.403.420.050	7.772.666.254	1.082.585.440	738.923.705	30.123.537.894
Khấu hao trong kỳ	1.383.131.280	49.038.587.700	3.337.368.054	176.786.150	341.041.710	54.276.914.894
Số cuối kỳ	5.509.073.725	65.442.007.750	11.110.034.308	1.259.371.590	1.079.965.415	84.400.452.788
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	17.523.720.494	1.930.443.497.284	83.872.591.817	272.406.491	12.902.744.809	2.045.014.960.895
Số cuối kỳ	18.105.423.459	1.881.404.909.584	80.535.223.763	883.235.380	12.561.703.099	1.993.490.495.285

### 7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	11.592.038.449	462.410.000	12.054.448.449
Mua mới	-	-	-
Số cuối kỳ	11.592.038.449	462.410.000	12.054.448.449
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	4.460.305.438	337.661.712	4.797.967.150
Khấu hao trong kỳ	161.000.532	51.108.336	212.108.868
Số cuối kỳ	4.621.305.970	388.770.048	5.010.076.018
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	7.131.733.011	124.748.288	7.256.481.299
Số cuối kỳ	6.970.732.479	73.639.952	7.044.372.431

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa &amp; vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc &amp; thiết bị</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	1.048.412.233.942	385.036.201.370	546.453.001	1.433.994.888.313
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.048.412.233.942	385.036.201.370	546.453.001	1.433.994.888.313
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	439.415.126.274	268.098.766.965	546.453.001	708.060.346.240
Khấu hao trong kỳ	19.320.021.084	7.651.134.164	-	26.971.155.248
Số cuối kỳ	458.735.147.358	275.749.901.129	546.453.001	735.031.501.488
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	608.997.107.668	116.937.434.405	-	725.934.542.073
Số cuối kỳ	589.677.086.584	109.286.300.241	-	698.963.386.825



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dự án văn phòng cho thuê	205.455.296.449	92.204.733.421
Khác	9.812.096.121	7.181.545.904
<b>Tổng</b>	<b>215.267.392.570</b>	<b>99.386.279.325</b>

#### 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### Đầu tư ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh ( <i>Thuyết minh số 10.1</i> )	119.680.810.541	72.553.500.561
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(325.639.799)	(293.908.798)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	396.700.000.000	253.452.054.795
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>516.055.170.742</b>	<b>325.711.646.558</b>

(\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 396.700.000.000 đồng là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng, hưởng lãi suất bình quân trong khoảng 5.5%/năm.

##### Đầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 10.2</i> )	9.291.771.605.000	9.281.771.605.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	690.000.000.000	690.000.000.000
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>9.981.771.605.000</b>	<b>9.971.771.605.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 10.1 Chứng khoán kinh doanh

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng(VND)	Giá trị đầu tư(VND)	Dự phòng (VND)
Công Ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	45.901.700.488	-	49.318.149.758	-
Các khoản đầu tư khác	73.779.110.053	(325.639.799)	23.235.350.803	(293.908.798)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.680.810.541</b>	<b>(325.639.799)</b>	<b>72.553.500.561</b>	<b>(293.908.798)</b>

### 10.2 Đầu tư của Công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư ( VND)		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	6.000.000.000	TP.HCM - Việt Nam	DV quản lý văn phòng
Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	91,06	149.997.353.000	149.997.353.000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty CP Điện Máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	149.992.500.000	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty TNHH Bất Động Sản REE	100,00	913.481.172.000	913.481.172.000	TP.HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty TNHH Nước Sạch REE	100,00	1.630.000.000.000	1.630.000.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty TNHH TMDV Tín Hiệu Xanh	100,00	82.800.000.000	82.800.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ sở hạ tầng điện
Công Ty TNHH Năng Lượng REE	100,00	6.349.500.580.000	6.349.500.580.000	TP.HCM - Việt Nam	Điện
Công Ty TNHH REE Digital	100,00	10.000.000.000	-	TP. HCM – Việt Nam	Công nghệ
Công Ty TNHH Điện Gió REE Trà Vinh	100,00	-	-	Trà Vinh – Việt Nam	Điện
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.291.771.605.000</b>	<b>9.281.771.605.000</b>		



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 11. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.794.854.987	13.624.418.630
Thuế GTGT	-	769.977.469
Thuế thu nhập cá nhân	393.717.826	499.342.161
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.188.572.813</b>	<b>14.893.738.260</b>

### 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, trái phiếu	82.240.782.670	84.341.384.421
Phải trả cho dự án Điện Gió Trà Vinh chờ quyết toán	4.340.943.166	146.303.105.444
Các khoản phải trả khác	917.147.827	3.562.123.438
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.498.873.663</b>	<b>234.206.613.303</b>

### 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, KPCĐ, BHYT	107.592.315	86.264.991
Phải trả các khoản đầu tư	7.249.259.000	7.249.838.995
Cổ tức, trái tức phải trả các cổ đông	53.015.849.666	50.006.236.856
Các khoản phải trả khác	6.078.118.867	35.814.358.440
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.450.819.848</b>	<b>93.156.699.282</b>
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (thuyết minh 20)	4.602.156.992	9.716.416.870
Phải trả các bên khác	61.848.662.856	83.440.282.412

### 14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>14.1 Ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn	<b>360.714.285.714</b>	<b>360.714.285.714</b>
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (*)	110.714.285.714	110.714.285.714
Trái phiếu dài hạn đến hạn phải trả (**)	250.000.000.000	250.000.000.000
<b>14.2 Dài hạn</b>		
Vay dài hạn	<b>3.699.832.217.574</b>	<b>3.677.414.146.777</b>
Nợ dài hạn (*)	1.407.121.350.816	1.387.410.136.423
Trái phiếu (**)	2.292.710.866.758	2.290.004.010.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.060.546.503.288</b>	<b>4.038.128.432.491</b>

Các khoản vay dài hạn có lãi suất tương ứng từ 6,15% đến 8,09% / năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

(\*) Chi tiết vay dài hạn như sau:

Khoản tín dụng số	Số cuối kỳ(VND)	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC</b>			
HĐTD / VNM 170276CM (VND)	176.785.714.285	Ngày 24 tháng 7 năm 2024	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Q.4, TP. HCM
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b>			
HĐ số 0094/2038/D-DA/01 (a)	1.217.140.557.250	Ngày 20 tháng 9 năm 2033	Thế chấp bằng dự án Điện Gió Trà Vinh V1-3
<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>			
SHBVN/BC/HDTD/REE/201805 (VND)	123.909.364.995	Ngày 08 tháng 5 năm 2026	Thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Cty CP Cơ Điện Lạnh tại địa chỉ 364 Cộng Hòa, P13, Tân Bình, TP.HCM

### TỔNG CỘNG

**1.517.835.636.530**

(a) Khoản nhận nợ của hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 0094/2038/D-DA/01 – Dự án đầu tư Nhà máy Điện gió tại vị trí V1-3 thuộc xã Trường Long Hoa, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.

### (\*\*) Trái phiếu

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 và ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu), số trái phiếu này được mua bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VCB") và Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank ("VCBF"). Các trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành.

Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau:

- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để đầu tư các dự án của Công ty; tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 35.525.776 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Công ty TNHH Năng Lượng REE.

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2019 Công ty đã phát hành 2.318 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm (REE-BOND2029) với tổng giá trị 2.318 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu). Đây là Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo lãnh thanh toán bởi Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF) – Một quỹ tín thác của Ngân hàng phát triển Châu Á ("CGIF").

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này để sử dụng cho việc phát triển dự án và các hoạt động mua bán, chuyển nhượng vốn. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 38.365.168 cổ phiếu Công ty CP Thủy Điện Thác Bà, 32.000.000 cổ phiếu Công ty CP Thủy Điện Sông Ba Hạ và 24.932.630 cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Mường Hum thuộc sở hữu của Công Ty TNHH Năng Lượng REE.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(47.622.230.162)	200.979.473.252	4.775.623.066.621	9.079.802.068.497
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	802.670.376.563	802.670.376.563
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.100.588.410.000</b>	<b>1.050.233.348.786</b>	<b>(47.622.230.162)</b>	<b>200.979.473.252</b>	<b>5.578.293.443.184</b>	<b>9.882.472.445.060</b>
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(47.622.230.162)	200.979.473.252	5.578.293.443.184	9.882.472.445.060
Tăng vốn trong kỳ	463.516.430.000					463.516.430.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	381.241.534.280	381.241.534.280
Chia cổ tức năm trước (*)	-	-	-	-	(772.567.356.000)	(772.567.356.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.564.104.840.000</b>	<b>1.050.233.348.786</b>	<b>(47.622.230.162)</b>	<b>200.979.473.252</b>	<b>5.186.967.621.464</b>	<b>9.954.663.053.340</b>

(\*) Theo Nghị Quyết của Đại Hội Cổ Đông số 02/2022/ĐHĐCĐ-NQ ngày 31 tháng 03 năm 2022, Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty đã thông qua việc chia cổ tức 25% cho năm 2021 từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trong đó chi trả cổ tức 10% bằng tiền và 15% bằng cổ phiếu.

Ngày 04 tháng 04 năm 2022, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đã có Quyết định số 14/2022/QĐ-HĐQT-REE quyết định việc thanh toán cổ tức 10% bằng tiền năm 2021 cho cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông 20/04/2022 sẽ nhận cổ tức bằng tiền 10% tương đương với số tiền 309.050.926.000 VND vào ngày 29/04/2022. Theo công văn số 3263/UBCK-QLCB ngày 30/05/2022 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã chấp nhận cho công ty phát hành 46.351.643 cổ phiếu để trả cổ tức, ngày giao dịch của lượng cổ phiếu này là ngày 28/06/2022.

Ngày 16/06/2022, công ty đã nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 27 tăng vốn điều lệ tương ứng với lượng cổ phiếu đã phát hành là 463.516.430.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### 16. DOANH THU

##### 16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>237.122.974.281</b>	<b>171.066.934.126</b>
Trong đó:		
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	183.599.407.813	171.066.934.126
Doanh thu từ điện gió Trà Vinh	53.523.566.468	-

##### 16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
Cổ tức được chia	2.584.235.002	28.081.864.842
Lãi tiền gửi	29.423.637.865	26.217.412.661
Lãi chênh lệch tỷ giá	66.000.258	3.754
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	452.442.213	10.848.061.465
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.526.315.338</b>	<b>65.147.342.722</b>

#### 17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
Dự phòng (Hoàn nhập) giảm giá đầu tư	31.731.001	10.986.000
Chi phí lãi vay	79.679.157.038	64.233.019.823
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.353.428.202	1.353.428.202
Lỗ chênh lệch tỷ giá	237.567.067	33.696.041
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	10.189.517	88.492.542
Chi phí tài chính khác	52.050.000	461.365.275
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.364.122.825</b>	<b>66.180.987.883</b>

#### 18. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
Thu nhập khác	2.544.313.144	1.590.273.182
Chi phí khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.544.313.144</b>	<b>1.590.273.182</b>

#### 19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính : VND	
	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
Chi phí nhân công	6.895.814.286	7.833.945.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.440.919.531	1.365.211.295
Chi phí dịch vụ mua vào	4.198.746.920	3.681.821.264
Chi phí khác bằng tiền	3.360.126.934	2.800.054.608
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.895.607.671</b>	<b>15.681.032.633</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 20. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Công ty Cổ phần Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê	1.064.495.533
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Chi phí dịch vụ Thu nhập cổ tức	141.258.600 (63.808.000) 2.372.515.002
Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Doanh thu cho thuê	176.145.064
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Phí quản lý	7.343.389.981 (12.702.809.164)
Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Song Mai	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	2.976.004.077
Công Ty TNHH Năng Lượng REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ Chi phí dịch vụ	31.645.559 (252.000.000)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Mặt Trời REE	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ Lãi cho vay Thu hồi nợ vay	71.381.100 719.178.082 (50.000.000.000)
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Điện Trà Vinh	Công ty con Gián tiếp	Doanh thu dịch vụ Chi phí dịch vụ	48.792.996 (7.006.230)
Công Ty Cổ Phần Phong Điện Thuận Bình	Công ty con Gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	2.796.128.109
Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Tân Hải	Công ty con Gián tiếp	Phí thuê dịch vụ	(176.120.340)
Công Ty TNHH Nước Sạch REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	58.018.942
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hình	Công ty con gián tiếp	Lãi trái phiếu và lãi vay	10.342.564.383
Công Ty TNHH REE Digital	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	2.411.067
Công Ty TNHH REE SE Holding	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	22.482.061
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Thác Mơ	Công ty cùng nhóm	Doanh thu dịch vụ	4.179.794.495

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

#### **Phải thu khách hàng**

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/phải trả (VND)</i>
Công ty CP Điện Máy REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	155.384.460
Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	193.509.393
Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Song Mai	Công ty con Gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	3.221.413.118
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	18.900.000
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Mặt Trời REE	Công ty con Gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	65.501.945
Công ty TNHH REE SE Holding	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	24.310.267
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.679.019.183</b>

#### **Phải thu cho vay ngắn hạn**

Công ty Cổ Phần Năng Lượng Mặt Trời REE	Công ty con gián tiếp	Cho vay	50.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>50.000.000.000</b>

#### **Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Mua trái phiếu	460.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>460.000.000.000</b>

#### **Phải thu khác**

Công ty CP Dịch Vụ và Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Phải thu cổ tức	113.796.860.570
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	2.619.354.540
Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Song Mai	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	2.976.004.077
Công ty CP Năng Lượng Mặt Trời REE	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi tiền vay	630.136.986
Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi trái phiếu	5.502.860.274
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>125.525.216.447</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### **Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty TNHH Quản lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E

Công ty con

Phí quản lý

(14.247.607.917)

#### **TỔNG CỘNG**

**(14.247.607.917)**

#### **Trả trước cho người bán**

Công Ty CP DV & KT Cơ Điện Lạnh REE

Công ty con

Ứng trước CP  
XDCB

1.375.400.000

#### **TỔNG CỘNG**

**1.375.400.000**

#### **Phải trả khác**

Công ty TNHH Quản lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E

Công ty con

Phí dịch vụ  
quản lý

(4.602.156.992)

#### **TỔNG CỘNG**

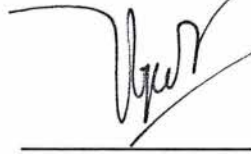
**(4.602.156.992)**

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính năm này.

Báo cáo tài chính Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 27 tháng 7 năm 2022.



Phạm Thị Ngọc Trang  
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh  
Kế Toán Trưởng



Huỳnh Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 7 năm 2022